

Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1567

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Một tam giác vuông có cạnh huyền 17 và một cạnh góc vuông 8. Cạnh góc vuông còn lại bằng:

A. 17

B. 15

C. 9

D. 14

Câu 2: Giá trị của biểu thức $x^2 - 8$ tại $x = 3$ bằng:

A. 10

B. -1

C. 7

D. 1

Câu 3: Phân tích đa thức $x^2 - 18x + 81$ thành nhân tử, ta được:A. $(x - 9)^2$ B. $x(x - 18)$ C. $(x + 9)^2$ D. $(x - 9)(x + 9)$ **Câu 4:** Hệ số tự do trong khai triển $(x - 1)^2$ bằng:

A. -3

B. 6

C. 7

D. 1

Câu 5: Phân tích đa thức $x^2 + 16x + 64$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 8)^2$ B. $(x + 8)(x - 8)$ C. $x(x + 16)$ D. $(x - 8)^2$ **Câu 6:** Bậc của đa thức $7x^4y^2 - 4xy + 2$ là:

A. 7

B. 11

C. 0

D. 6

Câu 7: Thu gọn $3x^2 + 3x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng:

A. 4

B. 9

C. 8

D. 6

Câu 8: Phân tích đa thức $x^2 + 6x + 9$ thành nhân tử, ta được:A. $(x + 3)(x - 3)$ B. $x(x + 6)$ C. $(x - 3)^2$ D. $(x + 3)^2$

Câu 9: Phân tích đa thức $x^3 - 64$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 4)(x^2 + 4x + 16)$

B. $(x - 4)(x^2 - 4x + 16)$

C. $(x - 4)^3$

D. $(x - 4)(x^2 + 16)$

Câu 10: Phân tích đa thức $x^2 + 2x + 1$ thành nhân tử, ta được:

A. $x(x + 2)$

B. $(x + 1)(x - 1)$

C. $(x + 1)^2$

D. $(x - 1)^2$

Câu 11: Phân tích đa thức $4x^2 + 16x$ thành nhân tử, ta được:

A. $4(x^2 + 4x)$

B. $4x(x + 16)$

C. $4x(x + 4)$

D. $x(4x + 4)$

Câu 12: Phân tích đa thức $x^2 - 3^2$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 3)^2$

B. $(x - 3)(x + 3)$

C. $x(x - 3)$

D. $(x + 3)^2$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Tính nhanh giá trị biểu thức $11^2 - 8^2$: Trả lời:

Câu 2: Tính nhanh giá trị biểu thức $26^2 - 22^2$: Trả lời:

Câu 3: Thu gọn $3x^2 + 5x^2$ ta được biểu thức có hệ số bằng: Trả lời:

Câu 4: Bậc của đơn thức $5x^3y^3$ là: Trả lời:

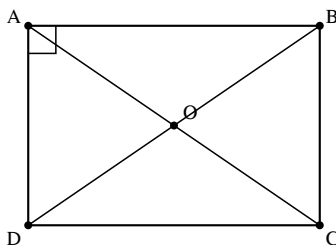
Câu 5: Trong khai triển $(x + 7)^2 = x^2 + bx + 7^2$, hệ số b bằng: Trả lời:

Câu 6: Cho hình bình hành ABCD có góc $A = 90^\circ$. Hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại O.

a) Chứng minh tứ giác ABCD là hình chữ nhật.

b) Chứng minh $OA = OB = OC = OD$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



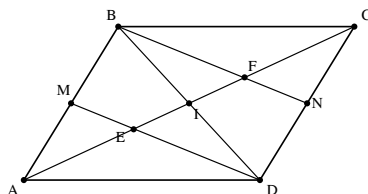
Câu 7: Cho hình bình hành ABCD. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của AB và CD.

a) Chứng minh tứ giác AMCN là hình bình hành.

b) Gọi I là giao điểm của AC và BD. Chứng minh ba điểm M, I, N thẳng hàng.

c) Đường thẳng DM cắt AC tại E , đường thẳng BN cắt AC tại F . Chứng minh $AE = EF = FC$.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử khảo sát chất lượng môn Toán lớp 8
(Đợt 2) — Đề số 6

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	A	D	A	D	D	D	A	C	C	B

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	57	192	8	6	14	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*